

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 39 404 271/125

Fax: 08 39 404 711

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM
Năm tài chính 2015

Kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI - CPA HÀ NỘI

Số 3 Ngõ 1295 - Đường Giải Phóng - Quận IIoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (04) 39 745 081/82

Fax: (04) 39 745 083

Hà Nội, tháng 03 năm 2016



CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 39 404 271/125

Fax: 08 39 404 711

MỤC LỤC

Nội dung	Trang số
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
Báo cáo kiểm toán của kiểm toán viên độc lập	6 - 7
Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015	8 - 11
Báo cáo kết quả SXKD cho năm tài chính 2015	12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2015 (theo PP trực tiếp)	13 - 14
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2015	15 - 35
Phụ lục số 1 : Các khoản đầu tư tài chính	36
Phụ lục số 2 : Nợ xấu	37
Phụ lục số 3 : Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	38
Phụ lục số 4 : Tăng, giảm tài sản cố định vô hình	39
Phụ lục số 5 : Vay và nợ thuê tài chính	40 - 41
Phụ lục số 6 : Phải trả người bán	42
Phụ lục số 7 : Bảng đối chiếu vốn chủ sở hữu	43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam lập và trình bày báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2015.

THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2137/QĐ-BGTVT ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103008926 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007, cấp lại lần thứ 9 ngày 18 tháng 09 năm 2015 với mã số doanh nghiệp là 0300448709.

Theo đó:

Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam
Tên Tiếng Anh : VIETNAM SEA TRANSPORT AND CHARTERING JOINT STOCK
Tên viết tắt : VITRANSCHART JSC
Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 589.993.370.000 đồng

(Năm trăm tám mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi ba triệu, ba trăm bảy mươi ngàn đồng)

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại : 08 39 404 271/125
Fax : 08 39 404 711
Website : <http://www.vitranschart.com.vn>
Email : vtc-hcm@vitranschart.com.vn

Hiện tại, Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội, sàn giao dịch Upcom với mã cổ phiếu VST.

Khối lượng niêm yết : 58.999.337
Ngày niêm yết : 26/5/2015
Ngày chính thức giao dịch : 10/6/2015

Danh sách và địa chỉ các đơn vị trực thuộc:

- | <u>Tên đơn vị</u> | <u>Thông tin về đơn vị trực thuộc</u> |
|---|--|
| 1. CN Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại Vũng Tàu, Bà Rịa - Vũng Tàu | Số 32 Phan Đăng Lưu, Phường 3 Tp Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Mã chi nhánh: 0300448709-005 |
| 2. CN Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại Tp Đà Nẵng | Địa chỉ: Tòa nhà Savico, số 66 Võ Văn Tần, P. Chính Gián, Q. Thanh Khê, Tp Đà Nẵng
Mã chi nhánh: 0300448709-006 |

3. CN Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại Tp Quy Nhơn Địa chỉ: Lô C2-C3 Cụm CN Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Mã chi nhánh: 0300448709-008
4. Trung tâm Đào tạo, môi giới và Xuất khẩu thuyền viên Phía Nam (SCC) Địa chỉ: Số 36 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường ĐaKao, Q1, Tp. Hồ Chí Minh
Mã chi nhánh: 0300448709-003
5. VP Đại diện tại Hà Nội Phòng 310, tầng 3, Tòa Nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, P. Mai Dịch, Q. Đống Đa, Hà Nội

Danh sách và địa chỉ công ty con:

<u>Tên công ty</u>	<u>Tổng vốn đầu tư (đồng)</u>	<u>Tỷ lệ nắm giữ</u>	<u>Thông tin về công ty con</u>
1. Công ty TNHH MTV Sửa chữa tàu biển Phương Nam (SSR)	5.500.000.000	100%	Số 428 Nguyễn Tất Thành, P18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh Mã số doanh nghiệp: 0309518598

Danh sách và địa chỉ công ty liên kết:

<u>Tên công ty</u>	<u>Tổng vốn đầu tư (đồng)</u>	<u>Tỷ lệ nắm giữ</u>	<u>Thông tin về công ty liên kết</u>
1. Công ty CP Cung ứng dịch vụ hàng hải và XNK Phương Đông (PDIMEX JSC)	18.540.000.000	26,46%	Số 438 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh Mã số doanh nghiệp: 0306291349

Lĩnh vực kinh doanh:

Thương mại. Dịch vụ.

Ngành nghề sản xuất kinh doanh:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan;
- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế. Dịch vụ tiếp vận. Dịch vụ khai thuê hải quan. Cho thuê kho bãi, container. Dịch vụ đại lý tàu biển. Môi giới thuê tàu biển. Cân hàng hóa liên quan đến vận tải;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Xuất khẩu lao động;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Sửa chữa tàu biển;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán phương tiện, thiết bị, phụ tùng ngành vận tải biển, vật tư, hóa chất, sơn phục vụ sửa chữa và bảo dưỡng tàu biển;

(Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc)

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán nguyên vật liệu ngành xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở)/.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Huỳnh Hồng Vũ	Chủ tịch	Bầu từ ngày 24 tháng 04 năm 2013
Ông Trương Đình Sơn	Phó Chủ tịch	Bầu từ ngày 24 tháng 04 năm 2013
Ông Bùi Mạnh Cường	Thành viên	Bầu từ ngày 27 tháng 08 năm 2015
Ông Huỳnh Nam Anh	Thành viên	Bầu từ ngày 24 tháng 04 năm 2013
Bà Phạm Thị Cẩm Hà	Thành viên	Bầu từ ngày 24 tháng 04 năm 2013
Ông Nguyễn Minh Cường	Thành viên	Bầu từ ngày 24 tháng 04 năm 2013

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Hiền	Trưởng Ban	Bầu từ ngày 24 tháng 04 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Băng Tâm	Thành viên	Bầu từ ngày 24 tháng 04 năm 2013
Bà Hoàng Thị Thanh Phương	Thành viên	Bầu từ ngày 24 tháng 04 năm 2013

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Cẩm Hà	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01 tháng 09 năm 2015 (Thay thế Ông Trương Đình Sơn nghỉ hưu)
Ông Huỳnh Nam Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 09 tháng 05 năm 2013
Ông Dương Đình Ninh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 09 tháng 05 năm 2013
Ông Đặng Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 20 tháng 05 năm 2015
Bà Mai Thị Thu Vân	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm từ ngày 09 tháng 05 năm 2013

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật cho Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này:

Bà Phạm Thị Cẩm Hà - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội - CPA Hà Nội là công ty kiểm toán có đủ năng lực được Hội đồng quản trị lựa chọn là đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015 cho Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội - CPA Hà Nội bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

(Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc)

CÁC SỰ KIỆN, ĐẶC ĐIỂM ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Thực hiện kết luận Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước ngày 08/09/2015 cho năm tài chính 2014 của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam, Công ty đã điều chỉnh lũy kế bổ sung đầu năm 146,2 tỷ lãi vay và 8,6 tỷ khấu hao TSCĐ; Hạch toán bổ sung lãi vay phải trả 120,9 tỷ đồng, trích bổ sung khấu hao TSCĐ 8,6 tỷ đồng vào năm 2014.
- Thực hiện chủ trương thoái vốn tại các Công ty con, Vitranschart đã tổ chức bán đấu giá thành công phần vốn góp tại Công ty CP cung ứng dịch vụ hàng hải và XNK Phương Đông (Pdimex JSC) vào ngày 29/5/2015, giảm tỷ lệ sở hữu từ 56,67% xuống còn 26,46%.
- Chi nhánh Vitranschart tại Vũng Tàu tạm ngừng kinh doanh từ 01/07/2015 đến 30/6/2016 do gặp khó khăn về tài chính, thị trường không thuận lợi theo quyết định 10/QĐ-HĐQT ngày 18/6/2015.
- Công ty đã ký Hợp đồng bán tàu VTC Sky theo hợp đồng số 10/HĐMBT.VTC SKY, giá trị hợp đồng 142 tỷ đồng bao gồm thuế GTGT, người mua là Công ty CP Vận tải và Thương mại Quốc tế. Công ty đã giao tàu cho người mua vào ngày 30/01/2015 tại Phao Xoài Rạp - Tp Hồ Chí Minh.
- Trong kỳ, Công ty bàn giao tàu VTC Tiger và VTC Ace cho Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam để xử lý khoản nợ vay dài hạn tại ngân hàng này.
- Công ty ký hợp đồng chuyển nhượng dự án Kho bãi Nhơn Bình tại KCN Nhơn Bình - Bình Định, dự kiến bàn giao tài sản trong cuối Quý 1/2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;

Ngoại trừ những ảnh hưởng nêu trong đoạn các sự kiện đặc biệt ảnh hưởng tới Báo cáo tài chính thì:

- Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.
- Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong Thuyết minh Báo cáo tài chính; phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo; và

Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.



Phạm Thị Cẩm Hà
Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam
Tp Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2016

(Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc)



Số: 36 /2016/BCKT/BCTC - CPA HANOI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2015
của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam

Kính gửi HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ; BAN TỔNG GIÁM ĐỐC; QUÝ CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam bao gồm Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính lập ngày 08/03/2016 đã được trình bày từ trang 8 đến trang 43 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty.

Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Lưu ý về tính hoạt động liên tục:

Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam cho năm tài chính 2015 được lập dựa trên giả định hoạt động liên tục. Đến cuối năm tài chính 2015, Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam có nhiều biện pháp được triển khai để tái cơ cấu doanh nghiệp. Trong năm tài chính tiếp theo, doanh nghiệp khẳng định tiếp tục hoạt động liên tục nhờ các biện pháp triển khai đang thực hiện có hiệu quả.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 06 bản tiếng Việt; các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội - CPA Hà Nội giữ 01 bản.



Lê Văn Đà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Số: 0231-2013-016-1

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội - CPA Hà Nội

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2016

Nguyễn Thị Gấm

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Số: 1082-2013-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		208.585.829.306	280.011.034.599
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	25.410.811.828	40.035.915.631
1 . Tiền	111		4.244.811.828	8.035.915.631
2 . Các khoản tương đương tiền	112		21.166.000.000	32.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	2	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		97.865.940.553	89.336.445.053
1 . Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	3	50.560.380.245	19.376.337.371
2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	20	27.529.233.471	42.708.641.617
3 . Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	21	1.943.077.686	6.685.768.809
4 . Phải thu ngắn hạn khác	136	4	22.831.861.338	25.564.309.443
5 . Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	22	(4.998.612.187)	(4.998.612.187)
IV. Hàng tồn kho	140		56.214.650.130	92.895.908.911
1 . Hàng tồn kho	141	6	56.214.650.130	92.895.908.911
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		29.094.426.795	57.742.765.004
1 . Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	20.113.769.333	25.798.097.785
2 . Thuế GTGT được khấu trừ	152	23	8.980.657.462	31.944.667.219

(Các Thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

		(Tiếp theo)			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200			1.679.967.648.562	2.350.469.861.106
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			15.369.048.195	14.775.821.901
1 . Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213	24		510.376.501	510.376.501
2 . Phải thu nội bộ dài hạn	214	21		14.532.129.894	13.960.943.200
3 . Phải thu dài hạn khác	216	4		326.541.800	304.502.200
II. Tài sản cố định	220			1.460.198.444.791	2.123.731.678.572
1 . Tài sản cố định hữu hình	221	8		1.458.217.536.582	2.120.820.966.570
- Nguyên giá	222			2.804.109.518.462	3.742.540.759.569
- Giá trị hao mòn lũy kế	223			(1.345.891.981.880)	(1.621.719.792.999)
2 . Tài sản cố định vô hình	227	9		1.980.908.209	2.910.712.002
- Nguyên giá	228			7.658.291.325	7.658.291.325
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			(5.677.383.116)	(4.747.579.323)
III. Bất động sản đầu tư	230			-	-
IV. Tài sản dài hạn dở dang	240	7		2.517.190.638	801.531.941
1 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			2.517.190.638	801.531.941
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	2		12.406.000.000	15.700.000.000
1 . Đầu tư vào công ty con	251			5.500.000.000	15.700.000.000
2 . Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			4.906.000.000	-
3 . Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			2.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260			189.476.964.938	195.460.828.692
1 . Chi phí trả trước dài hạn	261	10		34.843.364.938	40.827.228.692
2 . Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17		154.633.600.000	154.633.600.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270			1.888.553.477.868	2.630.480.895.705

(Các Thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	(Tiếp theo)		Số cuối năm	Số đầu năm
	Mã số	Thuyết minh		
1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.096.289.750.079	2.644.729.845.892
I. Nợ ngắn hạn	310		353.432.035.121	465.300.270.382
1 . Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	94.074.855.828	192.095.702.207
2 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	25	6.947.516.259	2.148.035.616
3 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	48.602.248	116.144.108
4 . Phải trả người lao động	314		18.215.820.721	12.647.611.624
5 . Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	25.144.254.444	31.371.760.529
6 . Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	26	162.183.420	814.650.230
7 . Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	16	31.223.350.561	10.042.817.565
8 . Phải trả ngắn hạn khác	319	15	18.009.951.389	20.438.397.211
9 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	11	157.008.170.587	192.541.834.580
10 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	27	2.597.329.664	3.083.316.712
II. Nợ dài hạn	330		1.742.857.714.958	2.179.429.575.510
1 . Phải trả người bán dài hạn	331	12	500.000.000	1.495.082.905
2 . Phải trả dài hạn khác	337	15	8.404.589.178	8.404.589.178
3 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	11	1.733.953.125.780	2.169.529.903.427

(Các Thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

	(Tiếp theo)		
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	(207.736.272.211)	(14.248.950.187)
I. Vốn chủ sở hữu	410 18	(207.736.272.211)	(14.248.950.187)
1 . Vốn góp của chủ sở hữu	411	589.993.370.000	589.993.370.000
+ Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	589.993.370.000	589.993.370.000
2 . Thặng dư vốn chủ sở hữu	412	88.258.000	88.258.000
3 . Quỹ đầu tư phát triển	418	9.662.314.492	9.662.314.492
4 . Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	4.934.983.765	4.898.917.929
5 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(812.415.198.468)	(618.891.810.608)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(618.891.810.608)	(457.346.250.817)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	(193.523.387.860)	(161.545.559.791)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	1.888.553.477.868	2.630.480.895.705



Lê Kim Phượng
 Lập biểu



Mai Thị Thu Vân
 Kế toán trưởng




Phạm Thị Cẩm Hà
 Tổng Giám đốc

Tp Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm tài chính 2015

<i>Đơn vị tính: đồng</i>				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	666.345.097.326	996.749.396.269
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	15.251.178.632	28.234.234.953
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	30	651.093.918.694	968.515.161.316
4 Giá vốn hàng bán	11	31	787.482.414.451	1.091.491.255.448
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(136.388.495.757)	(122.976.094.132)
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	10.359.419.083	6.183.664.338
7 Chi phí tài chính	22	33	138.858.999.949	156.366.952.379
+ Trong đó: Chi phí lãi vay	23		57.688.002.990	131.405.920.191
8 Chi phí bán hàng	25	34	8.124.461.509	13.009.251.361
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	36.640.820.779	31.738.390.673
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(309.653.358.911)	(317.907.024.207)
11 Thu nhập khác	31	36	202.218.248.387	649.895.078
12 Chi phí khác	32	37	88.877.973.237	1.611.985.283
13 Lợi nhuận khác	40		113.340.275.150	(962.090.205)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(196.313.083.761)	(318.869.114.412)
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	39	-	-
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	40	-	(79.056.633.190)
17 Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(196.313.083.761)	(239.812.481.222)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	41	(3.327)	(4.065)



Lê Kim Phượng
 Lập biểu



Mai Thị Thu Vân
 Kế toán trưởng



Phạm Thị Cẩm Hà
 Tổng Giám đốc

Tp Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Năm tài chính 2015

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Ma số	T. Minh	Năm nay	Năm trước
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		632.815.067.095	940.570.196.596
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(494.920.412.234)	(755.506.133.224)
3	Tiền trả cho người lao động	03		(132.952.543.336)	(135.585.028.114)
4	Tiền lãi vay đã trả	04		(15.858.837.430)	(10.421.298.813)
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	-
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		39.721.285.800	35.251.808.000
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(27.035.548.120)	(40.167.885.961)
8	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.769.011.775	34.141.658.484
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(22.939.908.135)	(25.698.145.460)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		129.435.700.591	-
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4	Tiền thu cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.000.000.000)	-
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		5.406.000.000	-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.127.844.428	2.409.178.143
8	Lưu chuyển tiền thuần hoạt động đầu tư	30		111.029.636.884	(23.288.967.317)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3	Tiền thu từ đi vay	33		68.829.858.743	366.130.343.797
4	Tiền trả nợ gốc vay	34		(196.250.286.757)	(362.035.619.427)
5	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-

(Các Thuyết minh từ trang 15 đến trang 43 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm tài chính 2015

Đơn vị tính: đồng

(Tiếp theo)

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(127.420.428.014)	4.094.724.370
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(14.621.779.355)	14.947.415.537
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	40.035.915.631	43.185.281.531
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(3.324.448)	(18.096.781.437)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 37	25.410.811.828	40.035.915.631



Lê Kim Phượng
Lập biểu



Mai Thị Thu Vân
Kế toán trưởng



Phạm Thị Cẩm Hà
Tổng Giám đốc

Tp Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2137/QĐ-BGTVT ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103008926 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007, cấp lại lần thứ 9 ngày 18 tháng 09 năm 2015 với mã số doanh nghiệp là 0300448709.

Theo đó:

Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam
Tên Tiếng Anh : VIETNAM SEA TRANSPORT AND CHARTERING JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt : VITRANSCHART JSC

Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 589.993.370.000 đồng

(Năm trăm tám mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi ba triệu, ba trăm bảy mươi ngàn đồng)

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại : 08 39 404 271/125
Fax : 08 39 404 711
Website : <http://www.vitranschart.com.vn>
Email : vtc-hcm@vitranschart.com.vn

Hiện tại, Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội, sàn giao dịch Upcom với mã cổ phiếu VST.

Khối lượng niêm yết : 58.999.337
Ngày niêm yết : 26/5/2015
Ngày chính thức giao dịch : 10/6/2015

Danh sách và địa chỉ các đơn vị trực thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Thông tin về đơn vị trực thuộc</u>
1. CN Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại Vũng Tàu, Bà Rịa - Vũng Tàu	Số 32 Phan Đăng Lưu, Phường 3 Tp Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Mã chi nhánh: 0300448709-005

2. CN Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại Tp Đà Nẵng Địa chỉ: Tòa nhà Savico, số 66 Võ Văn Tần, P. Chính Gián, Q. Thanh Khê, Tp Đà Nẵng
Mã chi nhánh: 0300448709-006
3. CN Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại Tp Quy Nhơn Địa chỉ: Lô C2-C3 Cụm CN Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Mã chi nhánh: 0300448709-008
4. Trung tâm Đào tạo, môi giới và Xuất khẩu thuyền viên Phía Nam (SCC) Địa chỉ: Số 36 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường ĐaKao, Q1, Tp. Hồ Chí Minh
Mã chi nhánh: 0300448709-003
5. VP Đại diện tại Hà Nội Phòng 310, tầng 3, Tòa Nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, P. Mai Dịch, Q. Đống Đa, Hà Nội

Danh sách và địa chỉ công ty con:

<u>Tên công ty</u>	<u>Tổng vốn đầu tư (đồng)</u>	<u>Tỷ lệ nắm giữ</u>	<u>Thông tin về công ty con</u>
1. Công ty TNHH MTV Sửa chữa tàu biển Phương Nam (SSR)	5.500.000.000	100%	Số 428 Nguyễn Tất Thành, P18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh Mã số doanh nghiệp: 0309518598

Danh sách và địa chỉ công ty liên kết:

<u>Tên công ty</u>	<u>Tổng vốn đầu tư (đồng)</u>	<u>Tỷ lệ nắm giữ</u>	<u>Thông tin về công ty liên kết</u>
1. Công ty CP Cung ứng dịch vụ hàng hải và XNK Phương Đông (PDIMEX JSC)	18.540.000.000	26,46%	Số 438 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh Mã số doanh nghiệp: 0306291349

1.2 Lĩnh vực kinh doanh:

Thương mại. Dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan;

- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế. Dịch vụ tiếp vận. Dịch vụ khai thuê hải quan. Cho thuê kho bãi, container. Dịch vụ đại lý tàu biển. Môi giới thuê tàu biển. Cân hàng hóa liên quan đến vận tải;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Xuất khẩu lao động;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Sửa chữa tàu biển;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán phương tiện, thiết bị, phụ tùng ngành vận tải biển, vật tư, hóa chất, sơn phục vụ sửa chữa và bảo dưỡng tàu biển;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán nguyên vật liệu ngành xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở)/.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường từ khoảng 15 ngày tới 6 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:

- Thực hiện kết luận Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước ngày 08/09/2015 cho năm tài chính 2014 của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam, Công ty đã điều chỉnh lũy kế bổ sung đầu năm 146,2 tỷ lãi vay và 8,6 tỷ khấu hao TSCĐ; Hạch toán bổ sung lãi vay phải trả 120,9 tỷ đồng, trích bổ sung khấu hao TSCĐ 8,6 tỷ đồng vào năm 2014.
- Thực hiện chủ trương thoái vốn tại các Công ty con, Vitranschart đã tổ chức bán đấu giá thành công phần vốn góp tại Công ty CP cung ứng dịch vụ hàng hải và XNK Phương Đông (Pdimec JSC) vào ngày 29/5/2015, giảm tỷ lệ sở hữu từ 56,67% xuống còn 26,46%.
- Chi nhánh Vitranschart tại Vũng Tàu tạm ngừng kinh doanh từ 01/07/2015 đến 30/6/2016 do gặp khó khăn về tài chính, thị trường không thuận lợi theo quyết định 10/QĐ-HĐQT ngày 18/6/2015.
- Công ty đã ký Hợp đồng bán tàu VTC Sky theo hợp đồng số 10/HĐMBT.VTC SKY, giá trị hợp đồng 142 tỷ đồng bao gồm thuế GTGT, người mua là Công ty CP Vận tải và Thương mại Quốc tế. Công ty đã giao tàu cho người mua vào ngày 30/01/2015 tại Phao Xoài Rạp - Tp Hồ Chí Minh.
- Trong kỳ, Công ty bàn giao tàu VTC Tiger và VTC Ace cho Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam để xử lý khoản nợ vay dài hạn tại ngân hàng này.
- Công ty ký hợp đồng chuyển nhượng dự án Kho bãi Nhơn Bình tại KCN Nhơn Bình - Bình Định, dự kiến bàn giao tài sản trong cuối Quý 1/2016.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Niên độ kế toán:

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

4.1 Ước tính kế toán:

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tuân thủ với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành về kế toán có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm kết thúc niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính và giả định đặt ra.

4.2 Tiền và tương đương tiền:

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

4.3 Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:

- Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng TMCP tại thời điểm hạch toán, riêng ngoại tệ nhận về tài khoản ngân hàng áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế. Chênh lệch tỷ giá nếu có được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí tài chính.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm:

	31/12/2015	31/12/2014
USD:	22.526 đồng	21.370 đồng
EUR:	24.716 đồng	25.916 đồng

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính.

4.4 Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ vận chuyển.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

- Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- Dự phòng tổn thất hàng tồn kho nếu có được tính và trích lập như sau:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Mức trích lập dự phòng hàng tồn kho được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.
- Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm.
Mức trích lập dự phòng phải thu khó đòi được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:
 - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

4.6 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ và khấu hao TSCĐ:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính):

Tài sản cố định được hạch toán ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá của TSCĐ bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển, lắp đặt chạy thử, thuế nhập khẩu (nếu có) và các chi phí khác để đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao và khấu trừ tài sản cố định (hữu hình, vô hình):

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Theo đó, thời gian khấu hao được ước tính cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 20 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm

- * Lãi, lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định được hạch toán như một khoản lãi hoặc lỗ trong kỳ phát sinh nghiệp vụ.

4.7 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: Ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc kể từ ngày góp vốn đầu tư, hoặc ngày mua cổ phiếu, trái phiếu.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn: Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền".
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền".
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn: Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Thanh lý khoản đầu tư: Phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

4.8 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

4.9 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước: Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn. Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- + Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- + Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Chi phí khác: Chi phí phát sinh trong kỳ ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh chính được ghi nhận là chi phí khác.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Chi phí trả trước ngắn hạn được phân bổ trong 1 năm, chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong 2 đến 3 năm.

4.10 Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm:

- Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

- Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán hoặc theo kế hoạch đã thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

4.11 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của CSH: Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo vốn góp thực tế. Vốn góp của cổ đông bao gồm góp theo mệnh giá và phần cao hơn mệnh giá - Thặng dư vốn cổ phần.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận chưa phân phối được ghi nhận từ kết quả sản xuất kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của năm trước.

Nguyên tắc ghi nhận quỹ đầu tư phát triển, quỹ khác: Được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

4.12 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- + Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- + Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- + Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng; và
- + Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

4.13 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

- Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên thu nhập chịu thuế.
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.
- + Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.
- + Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

- + Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.
- + Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

4.14 Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIÊN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 39 404 271/125

Fax: 08 39 404 711

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2015

- + Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
 - + Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24
T
C
W
JAN
V
1

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
- Tiền mặt	16.359.218	34.689.905
+ Tiền Việt Nam	16.359.218	34.689.905
- Tiền gửi ngân hàng	4.228.452.610	8.001.225.726
+ Tiền Việt Nam	922.251.344	316.834.627
+ Ngoại tệ	3.306.201.266	7.684.391.099
- Các khoản tương đương tiền	21.166.000.000	32.000.000.000
Cộng	25.410.811.828	40.035.915.631

2 Các khoản đầu tư tài chính

Phụ lục số 1

3 Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Phải thu ngắn hạn khách hàng		
- Phải thu khách hàng nước ngoài	41.038.505.618	13.136.619.184
- Phải thu khách hàng trong nước	9.521.874.627	6.239.718.187
Cộng	50.560.380.245	19.376.337.371

4 Phải thu khác

	Số cuối năm đồng		Số đầu năm đồng	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
+ Tạm ứng	8.029.423.691	-	11.511.234.630	-
+ Phải thu khác	14.802.437.647	-	14.053.074.813	-
Cộng	22.831.861.338	-	25.564.309.443	-
Dài hạn				
+ Các khoản tiền ủy thác	326.541.800	-	304.502.200	-
Cộng	326.541.800	-	304.502.200	-

5 Nợ xấu

Phụ lục số 2

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6 Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
+ Nguyên vật liệu	55.150.100.974	-	73.126.318.490	-
+ Công cụ, dụng cụ	1.064.549.156	-	19.769.590.421	-
- Công cụ, dụng cụ	765.467.588	-	19.769.590.421	-
- Thiết bị, phụ tùng	299.081.568	-	-	-
Cộng	56.214.650.130	-	92.895.908.911	-

7 Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
+ Xây dựng cơ bản dở dang (Chi tiết cho các công trình chiếm từ 10% trên tổng giá trị XD CB)				
- Mua sắm tài sản cố định	764.169.208	-	-	-
- Sửa chữa lớn tài sản	1.753.021.430	-	801.531.941	-
Cộng	2.517.190.638	-	801.531.941	-

8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Phụ lục số 3

9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Phụ lục số 4

10 Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
	đồng	đồng
+ Chi phí trả trước ngắn hạn:		
- Chi phí công cụ, dụng cụ	71.524.830	100.130.153
- Chi phí bảo hiểm đội tàu, CNV, hỏa hoạn	5.287.982.508	6.031.683.556
- Chi phí phụ tùng, sửa chữa thường xuyên	14.698.850.049	19.598.814.887
- Chi phí phân bổ khác	55.411.946	67.469.189
Cộng	20.113.769.333	25.798.097.785

+ Chi phí trả trước dài hạn:

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
- Chi phí thuê đất tại Quy Nhơn	2.846.467.865	1.270.619.470	214.134.624	3.902.952.711

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	37.598.759.698	11.171.194.321	26.360.719.196	22.409.234.823
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	196.637.610	29.772.730	169.402.620	57.007.720
- Chi phí chờ phân bổ khác	185.363.519	8.443.728.964	154.922.799	8.474.169.684
Cộng	40.827.228.692	20.915.315.485	26.899.179.239	34.843.364.938
11 Vay và nợ thuê tài chính				<i>Phụ lục số 5</i>
12 Phải trả người bán				<i>Phụ lục số 6</i>
13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước			Số cuối năm	Số đầu năm
			đồng	đồng
a Số phải nộp:				
- Thuế thu nhập cá nhân			48.602.248	116.144.108
Cộng			48.602.248	116.144.108
14 Chi phí phải trả			Số cuối năm	Số đầu năm
			đồng	đồng
a Ngắn hạn:				
- Chi phí lãi vay phải trả			-	3.908.746.141
- Chi phí phải trả khác			25.144.254.444	27.463.014.388
<i>VTC - cảng phí nước ngoài</i>			<i>15.272.205.297</i>	<i>22.857.342.230</i>
<i>Tiền ăn của thuyền viên</i>			<i>3.900.921.955</i>	<i>3.738.598.234</i>
<i>Trích trước phân bổ CP SCL, khác</i>			<i>5.971.127.192</i>	<i>867.073.924</i>
Cộng			25.144.254.444	31.371.760.529
15 Phải trả khác			Số cuối năm	Số đầu năm
			đồng	đồng
a Ngắn hạn:				
- Tài sản thừa chờ giải quyết			27.756.915	27.756.915
- Kinh phí công đoàn			7.444.713.121	7.481.678.349
- Bảo hiểm xã hội			3.055.294.081	6.892.496.533
- Bảo hiểm y tế			137.816.415	269.756.003
- Bảo hiểm thất nghiệp			89.204.580	-

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.255.166.277	5.766.709.411
Cộng	18.009.951.389	20.438.397.211
b Dài hạn:		
- Phải trả các khoản khác dài hạn	8.404.589.178	8.404.589.178
+ <i>Phải trả Công ty Đóng tàu Bạch Đằng tàu Phoenix</i>	8.404.589.178	8.404.589.178
Cộng	8.404.589.178	8.404.589.178
16 Doanh thu chưa thực hiện		
	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
a Ngắn hạn:		
- Doanh thu nhận trước	31.223.350.561	10.042.817.565
Văn phòng công ty	31.223.350.561	10.042.817.565
Cộng	31.223.350.561	10.042.817.565
17 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
a Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	154.633.600.000	154.633.600.000
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	154.633.600.000	154.633.600.000
18 Vốn chủ sở hữu		
a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu		<i>Phụ lục số 7</i>
b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		
	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	354.000.000.000	354.000.000.000
- Cổ đông khác	235.993.370.000	235.993.370.000
Cộng	589.993.370.000	589.993.370.000
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ <i>Vốn góp đầu năm</i>		589.993.370.000
+ <i>Vốn góp cuối năm</i>		589.993.370.000

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	58.999.337	58.999.337
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	58.999.337	58.999.337
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	58.999.337	58.999.337
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	58.999.337	58.999.337
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	58.999.337	58.999.337
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành <đồng/CP>	10.000	10.000

đ. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:	<i>Chưa công bố</i>
+ <i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông</i>	<i>Chưa công bố</i>
+ <i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>Không có</i>
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi chưa ghi nhận	<i>Không có</i>

e. Các quỹ của Công ty

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
- Quỹ đầu tư phát triển	9.662.314.492	9.662.314.492
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.934.983.765	4.898.917.929
Cộng	14.597.298.257	14.561.232.421

19 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
- Nợ khó đòi đã xử lý	1.726.511.550	1.726.511.550
+ <i>Dollar Mỹ (USD)</i>	<i>647.255,24</i>	<i>359.586,53</i>
+ <i>Euro (EUR)</i>	<i>1,10</i>	<i>1,04</i>

20 Trả trước cho người bán

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Ngắn hạn:		
- Trả trước cho người bán nước ngoài	24.795.322.822	42.284.461.885
- Trả trước cho người bán trong nước	2.733.910.649	424.179.732
Cộng	27.529.233.471	42.708.641.617

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21 Phải thu nội bộ

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Ngắn hạn:		
- CN CTCP Vận tải và thuê tàu biển VN tại Đà Nẵng	804.787.357	140.756.954
- CN CTCP Vận tải và thuê tàu biển VN tại Quy Nhơn	372.829.235	855.806.064
- CN CTCP Vận tải và thuê tàu biển VN tại Vũng Tàu	-	624.357.879
- TT Đào tạo, môi giới và XKTV Phía Nam	765.461.094	5.064.847.912
Cộng	1.943.077.686	6.685.768.809
Dài hạn		
- CN CTCP Vận tải và thuê tàu biển VN tại Đà Nẵng	840.901.662	409.302.377
- CN CTCP Vận tải và thuê tàu biển VN tại Quy Nhơn	8.030.872.523	8.794.397.884
- CN CTCP Vận tải và thuê tàu biển VN tại Vũng Tàu	192.457.966	1.037.668.938
- TT Đào tạo, môi giới và XKTV Phía Nam	5.467.897.743	3.719.574.001
Cộng	14.532.129.894	13.960.943.200

22 Dự phòng tổn thất tài sản

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	4.998.612.187	4.998.612.187
Cộng	4.998.612.187	4.998.612.187

23 Thuế GTGT được khấu trừ

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
- Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ	8.980.657.462	31.944.667.219
Cộng	8.980.657.462	31.944.667.219

24 Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
- TT Đào tạo, môi giới và XKTV Phía Nam	290.612.973	290.612.973
- CN CTCP Vận tải và thuê tàu biển VN tại Đà Nẵng	217.254.928	217.254.928
- CN CTCP Vận tải và thuê tàu biển VN tại Quy Nhơn	2.508.600	2.508.600
Cộng	510.376.501	510.376.501

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25 Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Ngắn hạn:		
- Người mua nước ngoài trả tiền trước ngắn hạn	877.080.643	-
- Người mua trong nước trả tiền trước ngắn hạn	6.070.435.616	2.148.035.616
Cộng	6.947.516.259	2.148.035.616

26 Phải trả nội bộ

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Phải trả nội bộ vốn kinh doanh ngắn hạn:		
- TT Đào tạo, môi giới và XKTV Phía Nam	-	814.650.230
- CN CTCP Vận tải và thuê tàu biển VN tại Vũng Tàu	162.183.420	-
Cộng	162.183.420	814.650.230

27 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm đồng	Tăng do trích lập từ lợi nhuận đồng	Chi quỹ trong năm đồng	Số cuối năm đồng
- Quỹ khen thưởng	1.942.304.625	-	105.171.060	1.837.133.565
- Quỹ phúc lợi	1.132.780.099	-	372.584.000	760.196.099
- Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản	8.231.988	-	8.231.988	-
Cộng	3.083.316.712	-	485.987.048	2.597.329.664

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

28 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
a. Doanh thu:		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	666.060.157.326	996.564.896.269
- Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	284.940.000	184.500.000
Cộng	666.345.097.326	996.749.396.269

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
	đồng	đồng
- Giảm giá hàng bán	15.251.178.632	28.234.234.953
Cộng	15.251.178.632	28.234.234.953

30 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
	đồng	đồng
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	650.808.978.694	968.330.661.316
- Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh khác	284.940.000	184.500.000
Cộng	651.093.918.694	968.515.161.316

31 Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
	đồng	đồng
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	786.921.805.971	1.090.679.316.723
- Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	560.608.480	811.938.725
Cộng	787.482.414.451	1.091.491.255.448

32 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
	đồng	đồng
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	674.679.428	2.409.178.143
- Thu hồi, thanh lý đầu tư tài chính dài hạn	5.406.000.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	453.165.000	-
- Lãi tỷ giá ngoại tệ	3.435.756.473	3.774.486.195
+ <i>Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện</i>	3.435.756.473	3.774.486.195
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	389.818.182	-
Cộng	10.359.419.083	6.183.664.338

33 Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
	đồng	đồng
- Chi phí lãi vay	57.688.002.990	131.405.920.191
- Thanh lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5.322.181.818	-
- Lỗ tỷ giá ngoại tệ	76.129.458.008	24.680.389.321
+ <i>Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện</i>	27.080.749.221	6.809.725.221

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

+ <i>Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	49.048.708.787	17.870.664.100
- Chi phí tài chính khác	(280.642.867)	280.642.867
Cộng	138.858.999.949	156.366.952.379
34 Chi phí bán hàng		
	Năm nay	Năm trước
	đồng	đồng
- Chi phí hoa hồng môi giới	8.124.461.509	13.009.251.361
Cộng	8.124.461.509	13.009.251.361
35 Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm nay	Năm trước
	đồng	đồng
- Chi phí nhân viên quản lý	18.777.596.121	22.052.273.639
- Chi phí vật liệu quản lý	177.140.956	220.835.926
- Chi phí đồ dùng văn phòng	72.510.232	36.582.947
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.165.389.675	2.172.318.924
- Thuế, phí và lệ phí	632.434.721	982.510.177
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.767.157.017	2.824.718.506
- Chi phí bằng tiền khác	12.048.592.057	3.449.150.554
Cộng	36.640.820.779	31.738.390.673
36 Thu nhập khác		
	Năm nay	Năm trước
	đồng	đồng
- Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	129.435.700.591	5.636.364
- Thu nhập khác	72.782.547.796	644.258.714
+ <i>Thu nhập từ các khoản đối tác vi phạm hợp đồng</i>	100.000.000	-
+ <i>Thu nhập khác</i>	72.682.547.796	644.258.714
Cộng	202.218.248.387	649.895.078
37 Chi phí khác		
	Năm nay	Năm trước
	đồng	đồng
- Giá trị còn lại tài sản cố định	95.616.110.299	-
- Chi phí thanh lý tài sản cố định	36.920.000	-
- Chi phí khác	(6.775.057.062)	1.611.985.283
+ <i>Các khoản chậm thanh toán</i>	1.893.924.535	-
+ <i>Chi phí còn sót của TSCĐ đã nhượng bán</i>	8.358.675.903	1.315.859.791

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

+ Chi phí khác	(17.027.657.500)	296.125.492
Cộng	88.877.973.237	1.611.985.283

38 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	271.784.761.999	524.362.405.243
- Chi phí nhân công	93.618.523.592	110.225.809.065
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	203.181.027.582	227.798.811.977
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.006.697.966	91.355.191.350
- Chi phí khác bằng tiền	199.656.685.600	182.496.679.847
Cộng	832.247.696.739	1.136.238.897.482

39 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(196.313.083.761)	(318.869.114.412)
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	453.165.000	-
- Thu nhập tính thuế	(196.766.248.761)	(318.869.114.412)
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Cộng thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	-	-

40 Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	(79.056.633.190)
Cộng	-	(79.056.633.190)

41 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(196.313.083.761)	(239.812.481.222)
- Lợi nhuận kế toán phân bổ cho cổ đông phổ thông	(196.313.083.761)	(239.812.481.222)
- Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	58.999.337	58.999.337
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(3.327)	(4.065)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

42 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2014 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội - CPA Hà Nội và được điều chỉnh theo kết luận Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước ngày 08/09/2015 cho năm tài chính 2014 của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam; đồng thời được phân loại lại phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

43 Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo.

44 Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày là khác nhau.

Lê Kim Phụng
Lập biểu

Mai Thị Thu Vân
Kế toán trưởng



Phạm Thị Cẩm Hà
Tổng Giám đốc

Tp Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2016

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc
a				
a				
a				
c				
a				
a				
c1				
+				
+				
c2				
+				
+				
c3				
+				
	12.406.000.000	12.406.000.000	-	15.700.000.000
				15.700.000.000

Về tỷ lệ và giá trị sở hữu:

- Đầu tư vào công ty con: Tỷ lệ sở hữu vốn tại Công ty TNHH SC tàu biển Phương Nam là 100%.
- Đầu tư vào công ty liên kết: Đã thoái vốn tại Pdimex JSC xuống còn 26,46%, tương ứng với giá trị sở hữu giảm từ 10.200.000.000 đồng giảm xuống 4.906.000.000 đồng.
- Đầu tư dài hạn khác: Tỷ lệ sở hữu vốn tại Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận là 10%.

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

NỢ XẤU

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
+ Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	4.998.612.223	-	4.998.612.223	-
- Công ty TNHH Phúc Hải	3.474.203.550	-	3.474.203.550	-
- Công ty TNHH VTB Minh Nam	810.464.673	-	810.464.673	-
- ALIZE COMMODITIES - PARIS	713.944.000	-	713.944.000	-
+ Khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn	4.998.612.187	713.944.000	4.998.612.187	4.998.612.187
- CTY TNHH Phúc Hải	3.474.203.550	-	3.474.203.550	3.474.203.550
- CTY TNHH VTB Minh Nam	810.464.637	-	810.464.637	810.464.637
- ALIZE COMMODITIES - PARIS	713.944.000	713.944.000	713.944.000	713.944.000

+ Khoản nợ của Công ty TNHH Phúc Hải và Công ty TNHH VTB Minh Nam đã quá hạn thu hồi. Đơn vị đã trích lập dự phòng với tỷ lệ 100%

+ Khoản nợ của Alize Commodities - Paris đã quá hạn, chưa có thông tin nào thêm từ Tòa án thụ lý phá sản do đó đơn vị cũng đã trích lập dự phòng với tỷ lệ 100%.

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 39 404 271/125

Fax: 08 39 404 711

Thuyết minh Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2015

Phụ lục số 3

TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: Đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
<u>Số dư đầu kỳ</u>	3.638.437.100	3.604.352.880	3.729.686.719.875	5.611.249.714	-	3.742.540.759.569
- Mua trong năm	-	-	-	60.000.000	-	60.000.000
Cộng	-	-	-	60.000.000	-	60.000.000
- TL, nhượng bán	-	317.630.000	378.639.342.083	-	-	378.956.972.083
- Giảm khác	-	722.514.608	558.811.754.416	-	-	559.534.269.024
Cộng	-	1.040.144.608	937.451.096.499	-	-	938.491.241.107
<u>Số dư cuối năm</u>	3.638.437.100	2.564.208.272	2.792.235.623.376	5.671.249.714	-	2.804.109.518.462
Giá trị hao mòn lũy kế						
<u>Số dư đầu kỳ</u>	3.210.802.966	2.377.977.380	1.611.918.984.552	4.212.028.101	-	1.621.719.792.999
- Khấu hao trong năm	149.801.225	600.878.000	200.776.653.490	723.891.074	-	202.251.223.789
Cộng	149.801.225	600.878.000	200.776.653.490	723.891.074	-	202.251.223.789
- TL, nhượng bán	-	185.284.166	282.600.174.275	-	-	282.785.458.441
- Giảm khác	-	632.885.275	194.660.691.192	-	-	195.293.576.467
Cộng	-	818.169.441	477.260.865.467	-	-	478.079.034.908
<u>Số dư cuối năm</u>	3.360.604.191	2.160.685.939	1.335.434.772.575	4.935.919.175	-	1.345.891.981.880
Giá trị còn lại của TSCĐ HH						
- Tại ngày đầu kỳ	427.634.134	1.226.375.500	2.117.767.735.323	1.399.221.613	-	2.120.820.966.570
- Tại ngày cuối năm	277.832.909	403.522.333	1.456.800.850.801	735.330.539	-	1.458.217.536.582

* Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ HH đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: (*)

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)



CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 39 404 271/125

Fax: 08 39 404 711

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2015

Phụ lục số 4

Đơn vị tính: Đồng

TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Giấy phép và giấy phép nhượng	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình								
<u>Số dư đầu kỳ</u>	-	-	-	-	7.658.291.325	-	-	7.658.291.325
<u>Số dư cuối năm</u>	-	-	-	-	7.658.291.325	-	-	7.658.291.325
Giá trị hao mòn lũy kế								
<u>Số dư đầu kỳ</u>	-	-	-	-	4.747.579.323	-	-	4.747.579.323
- Khấu hao trong năm	-	-	-	-	929.803.793	-	-	929.803.793
Cộng	-	-	-	-	929.803.793	-	-	929.803.793
<u>Số dư cuối năm</u>	-	-	-	-	5.677.383.116	-	-	5.677.383.116

Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình

- Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	-	2.910.712.002	-	-	2.910.712.002
- Tại ngày cuối năm	-	-	-	-	1.980.908.209	-	-	1.980.908.209

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	157.008.170.587	157.008.170.587	75.883.750.628	111.417.414.621	192.541.834.580	192.541.834.580
NH NoN & PT NT-CN Mạc Thị Bưởi	-	-	18.141.473.192	49.906.839.171	31.765.365.979	31.765.365.979
NH TMCP Hàng Hải Việt Nam	134.608.520.047	134.608.520.047	36.560.915.602	32.542.774.480	130.590.378.925	130.590.378.925
NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	22.399.650.540	22.399.650.540	21.181.361.834	28.967.800.970	30.186.089.676	30.186.089.676
Vay dài hạn	1.377.812.406.111	1.377.812.406.111	62.219.721.458	525.370.364.256	1.840.963.048.909	1.840.963.048.909
NH TMCP Hàng Hải Việt Nam	27.399.375.000	27.399.375.000	18.600.000.000	441.438.526.120	450.237.901.120	450.237.901.120
- Trên 5 năm	27.399.375.000	27.399.375.000	18.600.000.000	441.438.526.120	450.237.901.120	450.237.901.120
NH TMCP Á Châu	438.288.612.913	438.288.612.913	13.921.809.603	1.411.646.136	425.778.449.446	425.778.449.446
- Trên 5 năm	438.288.612.913	438.288.612.913	13.921.809.603	1.411.646.136	425.778.449.446	425.778.449.446
NH Phát triển Việt Nam - SGD II	41.476.000.000	41.476.000.000	-	60.000.000	41.536.000.000	41.536.000.000
- Trên 5 năm	41.476.000.000	41.476.000.000	-	60.000.000	41.536.000.000	41.536.000.000
NH Phát triển Việt Nam - CN HP	292.366.600.000	292.366.600.000	-	420.000.000	292.786.600.000	292.786.600.000
- Trên 5 năm	292.366.600.000	292.366.600.000	-	420.000.000	292.786.600.000	292.786.600.000
NH TMCP Bảo Việt	276.394.020.000	276.394.020.000	14.203.530.000	874.210.000	263.064.700.000	263.064.700.000
- Trên 5 năm	276.394.020.000	276.394.020.000	14.203.530.000	874.210.000	263.064.700.000	263.064.700.000
NH VCB - CN TP.HCM	105.753.916.198	105.753.916.198	5.427.129.855	-	100.326.786.343	100.326.786.343
- Trên 5 năm	105.753.916.198	105.753.916.198	5.427.129.855	-	100.326.786.343	100.326.786.343
NH VCB CN Bình Tây	61.428.402.000	61.428.402.000	3.152.412.000	-	58.275.990.000	58.275.990.000
- Trên 5 năm	61.428.402.000	61.428.402.000	3.152.412.000	-	58.275.990.000	58.275.990.000
NH Natixis	134.705.480.000	134.705.480.000	6.914.840.000	80.365.982.000	208.156.622.000	208.156.622.000
- Trên 5 năm	134.705.480.000	134.705.480.000	6.914.840.000	80.365.982.000	208.156.622.000	208.156.622.000
NH TMCP Đầu tư và Phát triển VN	-	-	-	800.000.000	800.000.000	800.000.000

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU BIỂN VIỆT NAM
 Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 08 39 404 271/125 Fax: 08 39 404 711

Thuyết minh Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính
 kết thúc ngày 31/12/2015

	Phụ lục số 5		800.000.000	
- Trên 5 năm	-	-	800.000.000	800.000.000
Nợ dài hạn	356.140.719.669	45.730.911.701	18.157.046.550	328.566.854.518
Tổng Công ty Hàng Hải VN	-	-	18.157.046.550	18.157.046.550
Lãi vay phải trả dài hạn	356.140.719.669	45.730.911.701	-	310.409.807.968

 (Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
+ COCKETT MARINE OIL (ASIA) PTE LTD	16.600.140.232	16.600.140.232	47.672.163.603	47.672.163.603
+ Phải trả người bán trong nước	48.380.811.364	48.380.811.364	68.053.229.084	68.053.229.084
+ Phải trả người bán nước ngoài	29.093.904.232	29.093.904.232	76.370.309.520	76.370.309.520
Cộng	94.074.855.828	94.074.855.828	192.095.702.207	192.095.702.207
b Các khoản phải trả người bán dài hạn				
+ Tiền thuê đất tại Quy Nhơn	500.000.000	500.000.000	1.495.082.905	1.495.082.905
Cộng	500.000.000	500.000.000	1.495.082.905	1.495.082.905

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 39 404 271/125

Fax: 08 39 404 711

Thuyết minh Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2015

Phụ lục số 7

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: Đồng

	Vốn đầu tư CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ ĐTPT	Quỹ khác	Lợi nhuận chưa PP	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	589.993.370.000	88.258.000	-	9.662.314.492	4.974.534.903	(457.346.250.817)	147.372.226.578
- Tăng vốn góp vốn năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	897.419.988	78.266.921.431	79.164.341.419
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Chia và dự chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	239.812.481.222	239.812.481.222
- Giảm khác	-	-	-	-	973.036.962	-	973.036.962
Số dư cuối năm trước	589.993.370.000	88.258.000	-	9.662.314.492	4.898.917.929	(618.891.810.608)	(14.248.950.187)
- Tăng vốn góp năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	1.387.088.528	2.789.695.901	4.176.784.429
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Chia và dự chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	196.313.083.761	196.313.083.761
- Giảm khác	-	-	-	-	1.351.022.692	-	1.351.022.692
- Số dư cuối năm	589.993.370.000	88.258.000	-	9.662.314.492	4.934.983.765	(812.415.198.468)	(207.736.272.211)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)